TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-12-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vương Thị Thu Lan
2. Bà Trần Thị Bích Huề

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Lộc Hồng Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị D, sinh năm 2000
Địa chỉ: Thôn T, xã P, tỉnh Lào cai (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Triệu Thị D: Bà Lý Ngọc K – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Lý Trần T, sinh năm 1998
Địa chỉ: Thôn T, xã P, tỉnh Lào Cai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Triệu Thị D trình bầy: Tôi và anh Lý Trần T tự nguyện về chung sống với nhau từ tháng 04/2016 đến ngày 21/7/2020 chúng tôi tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng sống với nhau không hợp, quan điểm sống bất đồng từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng lại càng xảy ra căng thẳng hơn. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 11/2021 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh T.

Về con chung: Có 01 cháu Lý Xuân Hiếu S ngày 09/01/2017. Hiện nay cháu H đang ở cùng gia đình anh T. Khi ly hôn tôi đồng ý cháu H ở với anh T và gia đình anh T và tôi sẽ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án đã làm các thủ tục niêm yết theo quy định pháp luật nhiều lần đối với anh Lý Trần T nhưng anh T không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Triệu Thị D đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Triệu Thị D được ly hôn anh Lý Trần Ton .

Về con chung: Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Lý Xuân Hiếu S ngày 09/01/2017 cho anh Lý Trần T nuôi dưỡng. Chị Triệu Thị D cấp dưỡng nuôi cháu T 2.000.000 đồng một tháng kể từ tháng 01/2026 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị D là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Triệu Thị D.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – lào C phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Triệu Thị D được ly hôn anh Lý Trần Ton .

Về con chung: Căn cứ Điều 81; 82; 83; 110; khoản 1 Điều 116; 117 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Lý Xuân Hiếu S ngày 09/01/2017 cho anh Lý Trần T nuôi dưỡng. Chị Triệu Thị D cấp dưỡng nuôi cháu H 2.000.000 đồng một tháng kể từ tháng 01/2026 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị D là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Triệu Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị D và anh Lý Trần T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 21 tháng 7 năm 2020 là hôn nhân hợp pháp. Chị D cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 11/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng sống với nhau không hợp, quan điểm sống bất đồng từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng lại càng xảy ra căng thẳng hơn. Anh chị sống ly thân nhau từ tháng 11/2021 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị D xin ly hôn anh T là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phát biểu đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Triệu Thị D và phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và hiện nay anh chị đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai cả. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị D được ly hôn anh T là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 01 cháu Lý Xuân Hiếu S ngày 09/01/2017. Cháu H ở với bố mẹ anh T từ nhỏ và hiện nay vẫn đang ở. Khi ly hôn chị D đồng ý cho cháu H ở với anh T và gia đình anh T và chị cấp dưỡng nuôi cháu H 2.000.000 đồng một tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu H được ổn định và không làm xáo trộn cuộc sống của cháu và theo nguyện vọng của cháu. Do vậy cần giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng. Chị D cấp dưỡng nuôi cháu H 2.000.000 đồng một tháng kể từ tháng 01/2026 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Yêu cầu của chị D về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con không trái với quy

định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; khoản 1 Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Triệu Thị D là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Triệu Thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Triệu Thị D là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; khoản 1 Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Triệu Thị D được ly hôn anh Lý Trần Ton .

2. Về con chung: Có 01 cháu Lý Xuân Hiếu S ngày 09/01/2017.

Xử giao cháu Lý Xuân H cho anh Lý Trần T trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Chị Triệu Thị D cấp dưỡng nuôi cháu H 2.000.000 đồng một tháng kể từ tháng 01/2026 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai
- VKSND khu vực 3
- Phòng THADS khu vực 3
- Các đương sự (2)
- TGVPL
- UBND xã P
- Lưu HS -TQĐ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Thoảng